

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/HNGĐ – ST
Ngày 30 – 10 – 2020
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 635/2020/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thủy L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số X, đường H, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số X/Y, khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2020, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thủy L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q tự tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1998, không tổ chức lễ cưới và đến nay vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng bà hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh

mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn. Nhận thấy, hôn nhân không đạt mục đích nên bà yêu cầu được ly hôn ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 01 (một) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tên Lê Hoàng L sinh năm 1996.

Về tài sản chung và về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 20/10/2020, bị đơn là ông Lê Văn Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L tự tìm hiểu nhau, tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1998, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay, nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có 01 (một) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động Lê Hoàng L sinh năm 1996.

Về tài sản chung và về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà L và ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/10/2020. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thủy L và ông Lê Văn Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1998 đến nay chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do đó đôi bên thống nhất ly hôn. Xét thấy, bà L và ông Q sống chung như vợ

chồng, không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không thể công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông bà mà áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố bà L và ông Q không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà L và ông Q thống nhất có 01 (một) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân tên Lê Hoàng L sinh năm 1996.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] **Về án phí**: Bà L phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà L đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005686 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Nguyễn Thị Thủy L và ông Lê Văn Q không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà L và ông Q có 01 (một) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân tên Lê Hoàng L sinh năm 1996.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà L đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005686 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phạm Xuân Khanh